

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N C  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01** /2018/DS - ST  
Ngày 30/01/2018  
V/v: Bồi thường thiệt hại về tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N C, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Thắng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Tiến
2. Bà Lê Thị Dệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N C, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N C, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2017/TLST - DS ngày 18 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Lê Minh K, sinh năm 1933 (có mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu X H, thị trấn N C, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Q - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

*2. Bị đơn:* Ủy ban nhân dân Thị trấn NC, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 143 Đường B Tr, Thị trấn N C, huyện N C, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Đ – Chủ tịch

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Thế T (có mặt)

Chức vụ: Trưởng Công an thị trấn N C huyện N C, tỉnh Thanh Hóa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Minh K trình bày: Ông có mảnh đất khai hoang từ năm 1998, diện tích là 1.067m<sup>2</sup> ông xin của UBND xã V Th có giấy xác nhận của UBND xã V Th. Đến năm 1993 Chính phủ và Hội đồng nhân dân ban hành Luật đất đai, sáp nhập với thị trấn. Ông viết đơn xin UBND thị trấn đồng ý giao quyền sử dụng đất cho gia đình ông để bảo quản cây cối và chờ làm trích lục đất. Đến tháng 10/2012 UBND thị trấn có công văn về việc thu hồi diện tích đất của ông để làm sân thể thao và cho người đến chặt phá vào đêm ngày 11, rạng sáng ngày 12 năm 2012 có anh Lương Văn Sơn biết. Ông làm đơn báo cáo Công an thị trấn nhưng Công an thị trấn không giải quyết. Ông báo cáo Công an huyện N C. Công an huyện N C đã lập biên bản xác minh giao cho Công an thị trấn giải quyết. Sau khi thu hồi đất của ông, UBND thị trấn không làm sân thể thao mà bán cho ông Nh K ở tiểu khu Xuân H, thị trấn Nông Công và UBND thị trấn N C không bồi thường thiệt hại cho gia đình ông theo công văn của UBND huyện N C. Nay ông yêu cầu UBND thị trấn bồi thường cây cối, hoa màu, tài sản, chi phí đầu tư trên diện tích đất bị thu hồi. UBND thị trấn chỉ bồi thường với mức 3 triệu đồng nên ông không đồng ý. Vì 3 triệu đồng không đủ tiền chè nước, công lao, tiền của của gia đình ông lặn lội suốt 30 năm qua, nay không được thu hoạch mà bị mất trắng. Ông yêu cầu UBND thị trấn N C phải bồi thường cho ông những khoản sau:

1. Tiền mua cây keo: 1.200 cây x 2.000đ/cây = 24.000.000đ. Ông trồng keo năm 2010, mua keo của ông Lê Xuân Th thôn V Tr, xã V H.

2. Tiền đào mương máng lấy nước tưới cây = 374.580.000đ. Mương rộng 2m, sâu 1m, dài 124m = 248m<sup>3</sup> đất. Thời gian khoảng năm 1988 - 1990, thuê ai thì ông không nhớ rõ, vì thời gian đã quá lâu.

3. Tiền mua đất đổ trồng cây: 146 xe x 200.000đ/xe = 29.200.000đ. Mua đất trước năm 1990, thuê xe của anh C, xã V H.

4. Công trồng cây: 50 công x 180.000đ/công = 9.000.000đ. Ông thuê anh Lê Xuân Th.

5. Công chăm tưới: 40 công x 180.000đ/công = 7.200.000đ. Ông thuê anh Lê Xuân Th.

6. Tiền mua cây giống ban đầu các cây cam, chanh, vải thiều bị UBND thị trấn đổ đất lấp: 40 cây chanh, 9 cây vải, 20 cây cam = 9.600.000đ.

7. Chi phí làm cột bê tông: 164.000.000đ. Cột cao 2,5m, vuông 20cm x 20cm giá 1.000.000đ/cột, chôn xung quanh vườn, làm năm 1990, thuê anh Thắng ở tiểu khu Nam Tiến làm.

8. Công + đá học đồ chân cột bê tông = 17.000.000đ, ông không nhớ thuê ai làm.

9. Dây thép gai: 640 kg x 24.000đ/kg = 15.360.000đ. Ông mua trước năm 1990 nhờ ông Ng thôn Đ Th, xã V H mua.

10. Công khoán giăng dây thép gai: 106 công x 180.000đ/công = 19.080.000đ. Ông thuê anh Th thôn Th S, làm từ trước năm 1990.

11. Công san đất khoán: 100.000.000đ, ông khoán 10 người làm, do ông Xuân và người nhà làm trước năm 1990.

12. Mua 110 xe đất màu + công rải đất san lấp = 40.000.000đ, ông mua xe trâu + công, đơn giá 360.000đ/xe. Thời mua trước 2 lần là năm 1990 và sau khoảng năm 1993.

13. Mua 12 xe cát bần tạo mầu = 10.000.000đ, mua xe công nông của ông Tính Mục (đã chết) đơn giá 833.000đ/xe.

14. Công khai hoang + chăm bón cây ban đầu = 109.480.000đ (là chi phí bỏ ra còn cụ thể ông không tính được).

15. Công gia đình 3 người + chi phí đầu tư = 162.000.000đ (gồm tiền ăn, dụng cụ để làm).

16. Đào hào lấy nước ăn uống, công cụ, máy xúc = 246.000.000đ.

17. Tiền đầu tư xây dựng, mua cây giống trồng trên đất = 52.000.000đ.

Tổng cộng = 1.388.500.000đ (Một tỷ ba trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

*Tại Văn bản số 60 ngày 14/8/2017 của UBND thị trấn N C và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thế T trình bày: Ông Lê Minh K nguyên là cán bộ phòng thống kê kế hoạch huyện N C về nghỉ chế độ và có xin đất ở tại thôn C H, xã V Th năm 1986 (nay là tiểu khu X H, thị trấn N C) với diện tích là 675m<sup>2</sup>. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 92/ĐKRĐ ngày 30/7/1988 (tháng 2/1987 thành lập thị trấn vẫn công nhận diện tích đất này). Đến năm 1992 ông làm vườn, cấy lúa lấn ra khu vực xung quanh (đất thị trấn dùng để làm nghĩa trang và giao cho tổ quản trang sử dụng trồng hoa màu chờ quy hoạch) 896m<sup>2</sup>. Năm 1994 trong đợt kiểm kê đất thị trấn đã ghi vào tờ khai, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn ông K đã có đơn xin sử dụng số đất đã khai hoang, UBND chưa thống nhất nhưng ông K đã đào hào trồng cây vây quanh số diện tích này. Đến năm 2000 ông K lại tiếp tục lấn đất trồng cây sang khu vực quy hoạch nghĩa trang (khu quy hoạch dùng để cất táng) mà tổ quản trang không trồng mầu nữa. Xét về bản thân ông K là cán bộ hưu trí, là người có công với cách mạng UBND thị trấn đã mời ông lên làm việc, hỗ trợ*

khó khăn cho gia đình ông 3 triệu đồng và chờ cho ông thu hoạch số cây đã trồng sau đó giao cho 02 tiểu khu Đ H và tiểu khu X H làm sân thể thao nhưng ông K không đồng ý mà đòi cấp cả diện tích đất này vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Về nội dung đơn khởi kiện của ông Lê Minh K, UBND thị trấn N C có một số ý kiến: Ông K lợi dụng mình là người có công, lợi dụng sơ hở của chính quyền trong công tác quản lý để lấn chiếm đất công, khiếu nại, khiếu kiện sai sự thật; số tiền ông K đòi bồi thường thiệt hại hoa màu và tài sản trên đất 1.116.600.000đ, sau này tăng là 1.388.500.000đ là không có cơ sở vì khu vực ông lấn chiếm sau là khu vực các cụ tổ quản trang trồng đậu, lạc, vùng không phải tôn tạo và cây ông tự trồng lấn chiếm, ông đã thu hoạch bán làm nguyên vật liệu hết. Sau khi thu hoạch ông mới chăm dặm số cây mới, không có cây ăn quả. ông K nói trong đơn UBND thị trấn N C bán đất cho anh Nh K là bịa đặt, là không có cơ sở. Vì sau khi 2 tiểu khu giải phóng mặt bằng xong, diện tích này đang để nguyên trạng, chưa sử dụng vào việc gì.

Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay ông K vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện. Ông đề nghị UBND thị trấn N C phải bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu, tài sản, chi phí đầu tư trên diện tích đất bị thu hồi.

Ng-ời bảo vệ quyền lợi cho ông K đề nghị UBND Thị trấn hỗ trợ cho ông K một khoản tiền để ông đỡ thiệt thòi về tài sản đã bị mất.

Đại diện UBND thị trấn không chấp nhận bồi thường. Bởi lẽ những yêu cầu của ông Kính trong 17 khoản là không có căn cứ. Không hỗ trợ theo yêu cầu đề nghị.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về Tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48, 49 Bộ luật TTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72, điều 234 bộ luật TTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 584, Điều 589 BLDS ; điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật TTDS. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Xử không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường của ông Lê Minh K.

Về án phí: Ông K là người già, người có công nên căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 miễn tiền án phí DSST cho ông K.

Kiến nghị khắc phục vi phạm : Không

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về quan hệ pháp luật: Ông K yêu cầu UBND thị trấn N C bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu, tài sản, chi phí đầu tư trên diện tích đất bị thu hồi. Do vậy, xác định là quan hệ đòi bồi thường thiệt hại về tài sản được quy định tại chương XX BLDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

{2} Xét yêu cầu của ông Lê Minh K HĐXX thấy rằng:

*Xác định nguồn gốc diện tích ông Kính và diện tích đất ông Kính đầu tư:* Theo tài liệu hai bên cung cấp thể hiện hộ ông K được UBND xã V Th cấp 675m<sup>2</sup> vào năm 1986. Năm 1987 UBND thị trấn thành lập diện tích đất trên thuộc thị trấn quản lý. Quá trình sử dụng đất ông K trồng cây sang diện tích xung quanh. Năm 1998 bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thị trấn được lập xong, xác định hiện trạng ông Kính đang sử dụng 1680,7m<sup>2</sup> ( bao gồm 675m<sup>2</sup> và 896 m<sup>2</sup> đất khai hoang) tại tờ bản đồ số 10, thửa số 293. Ngày 20/5/2012 ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 294 nằm bên ngoài Giấy CNQSD Đất của hộ ông K do UBND thị trấn quản lý. Thửa đất này năm 2000 UBND thị trấn đã bàn giao cho tiểu khu Đ H và X H làm sân vận động. Do tiểu khu chưa có kinh phí làm sân vận động, ông K đã trồng cây Keo lên một số diện tích đất làm sân vận động. Ngày 07/11/2012 UBND thị trấn lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi trồng cây Keo lên diện tích đất trên. Ngày 19/11/2012 UBND thị trấn lập biên bản bàn giao tổng diện tích 1067m<sup>2</sup> cho tiểu khu X H làm sân bóng. Biên bản này đã giao cho ông K nhận. UBND thị trấn hợp đồng với ông Nh đổ đất lên diện tích đất trên để làm sân bóng.

Như vậy, phần diện tích ông K yêu cầu bồi thường tài sản và chi phí đầu tư trên đất là thửa đất số 294 nằm bên ngoài Giấy CNQSD Đất của ông K. Diện tích này năm 2000 UBND thị trấn N C đã giao cho tiểu khu Đ H và X H làm sân vận động. Ông K trồng một số cây Keo trên đất công và đã thu hoạch. Sau khi thu hoạch lại tiếp tục trồng mới, UBND thị trấn đã lập biên bản vi phạm. Ông K không có quyền trồng cây và đầu tư trên diện tích đất này.

*Xét các yêu cầu của ông K HĐXX thấy rằng:*

1. Đối với khoản tiền mua cây keo: 1.200 cây x 2.000đ/cây = 24.000.000đ. Ông K trình bày mua keo của ông Lê Xuân Th thôn V Tr, xã V H, trồng keo năm 2010. Tuy nhiên tại Biên bản xác minh ngày 11/01/2018 ông Lê Xuân Th trình bày: Năm 2012 ông có bán cho ông Lê Minh K 1.200 cây keo x 400đ/cây = 480.000đ. Ngoài ra ông không bán cho ông K lần nào nữa. Ông K kê khai 2.000đ/cây là không chính xác. Ông K không thuê ông trồng cây, chăm tưới cây. Ông K trình bày thuê

ông trồng cây, chăm tưới cây là không chính xác. Ông chỉ bán cây cho ông K, ngoài ra ông không có liên quan gì. Như vậy, lời trình bày của ông K là không chính xác, không có căn cứ để chấp nhận.

2. Đối với khoản tiền đào mương máng lấy nước tưới cây = 374.580.000đ. ông K không đưa ra được số liệu và hợp đồng đào mương, giá thanh toán. Nên không có căn cứ để tính khối lượng và chi phí. Hơn nữa khi xem xét thẩm định tại chỗ không thấy diện tích mương ở vị trí nào. Với chi phí 374.580.000đ vào những năm 1988 – 1990 là không hợp lý. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận.

3. Đối với khoản tiền mua đất đổ trồng cây:  $146 \text{ xe} \times 200.000\text{đ}/\text{xe} = 29.200.000\text{đ}$ . Mua đất trước năm 1990, thuê xe của anh C, xã V H .

Tại Biên bản xác minh ngày 11/01/2018 người làm chứng anh Lê Xuân C trình bày: Trước năm 1990, anh không nhớ rõ là năm nào, ông K có nhờ anh đổ đất cho ông còn anh lấy tiền. Anh chở đất cho ông K bằng máy cày đầu dọc, có thùng kéo, mỗi thùng kéo khoảng  $0.95\text{m}^3$ . Số tiền mỗi xe  $30.000\text{đ}/\text{xe} \times 140 \text{ xe} = 4.200.000\text{đ}$ . Toàn bộ đất anh chở là đổ trước vườn nhà ông chở cả 2 đợt khoảng 130 đến 140 xe (anh không nhớ chính xác) để ông K trồng cây cảnh và cải tạo sân vườn, đổ đất xung quanh nhà và sân vườn gần giáp đất sân bóng chứ không phải đổ phần đất sân bóng. Về số tiền đổ đất anh đã thanh toán xong. Như vậy yêu cầu của ông K là không có căn cứ.

4. Đối với khoản tiền công trồng cây:  $50 \text{ công} \times 180.000\text{đ}/\text{công} = 9.000.000\text{đ}$ . và công chăm tưới:  $40 \text{ công} \times 180.000\text{đ}/\text{công} = 7.200.000\text{đ}$ . Ông thuê anh Lê Xuân Th.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/01/2018 ông Lê Xuân Th trình bày: Ông K trình bày thuê ông trồng cây, chăm tưới cây là không chính xác. Ông chỉ bán cây cho ông K, ngoài ra ông không có liên quan gì.

5. Đối với khoản tiền mua cây giống ban đầu các cây cam, chanh, vải thiều bị UBND thị trấn đổ đất lấp: 40 cây chanh, 9 cây vải, 20 cây cam = 9.600.000đ. Thực tế khi bàn giao mặt bằng làm sân bóng không có số cây này. Ông K không đưa ra được căn cứ mua số cây trên nên không có căn cứ chấp nhận.

6. Đối với khoản tiền chi phí làm cột bê tông:  $164 \text{ cột} \times 1.000.00\text{đ}/1 \text{ cây} = 164.000.000\text{đ}$ . Ông thuê anh Th ở tiểu khu N T làm. Tuy nhiên Tại Biên bản xác minh ngày 11/01/2018 ông Ngô Văn Th trình bày: Ông thừa nhận trước năm 1990, ông có làm công đổ cột cho ông K, khoảng 12 đến 13 công, giá  $15.000\text{đ}/\text{công}$  còn vật liệu do ông K mua, ông không biết. Thực tế khi xem xét thẩm định tại chỗ không có loại cột này. Ông K cho rằng đã bị đất lấp nhưng không có căn cứ chứng minh.

7. Đối với khoản tiền Công + đá học đổ chân cột bê tông = 17.000.000đ, ông không nhớ thuê ai làm và không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận

8. Đối với khoản tiền mua dây thép gai:  $640 \text{ kg} \times 24.000\text{đ/kg} = 15.360.000\text{đ}$  và khoản tiền Công khoán giăng dây thép gai:  $106 \text{ công} \times 180.000\text{đ/công} = 19.080.000\text{đ}$ . Ông K không đưa ra được căn cứ chứng minh cụ thể. Thực tế khi xem xét thẩm định tại chỗ không có dây thép gai trên đất nên không có căn cứ chấp nhận.

9. Đối với khoản tiền công san đất khoán hết 100.000.000đ, nhưng ông không đưa ra được căn cứ chứng minh cụ thể nên không có căn cứ chấp nhận.

10. Đối với khoản tiền mua 110 xe đất màu + công rải đất san lấp = 40.000.000đ. Mua 12 xe cát bản tạo màu = 10.000.000đ. Công khai hoang + chăm bón cây ban đầu = 109.480.000đ. Công gia đình 3 người + chi phí đầu tư = 162.000.000đ. Đào hào lấy nước ăn uống, công cụ, máy xúc = 246.000.000đ. Tiền đầu tư xây dựng, mua cây giống trồng trên đất = 52.000.000đ. Ông K chỉ liệt kê số liệu mà không giải trình cụ thể. Không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp nên không có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy 17 yêu cầu của ông K đề nghị UBND thị trấn NC bồi thường tổng 1.388.500.000đ. Qua quá trình giải quyết ông K đã nộp một số chứng cứ, tuy nhiên những chứng cứ ông K đưa ra không có giá trị chứng minh. Kết quả xác minh không có căn cứ. Tòa án đã quyết định yêu cầu ông giao nộp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng ông không thực hiện nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ. Kết quả thẩm định xem xét tại chỗ thì không có tài sản gì của ông K trên đất. Ông K cho rằng cột bê tông giằng thép gai đã bị đổ đất vùi lấp, nhưng ông không nộp tiền để thuê máy xúc mức đất lên tìm cột. Với tài liệu chứng cứ ông K xuất trình trong quá trình khởi kiện, cộng với các biên bản các minh của Tòa án, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy những yêu cầu của ông K là phi thực tế, không đúng sự thật khách quan. Do vậy không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường các khoản nêu trên của ông K.

Đối với yêu cầu của ông K về khoản tiền cột bê tông, dây thép gai, một số cây chanh, cam, vải thiều do ông không nộp tiền để thuê máy đào lên xem có hay không nên chưa có căn cứ để xem xét. Vì vậy giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho ông K khi có yêu cầu.

Về yêu cầu hỗ trợ cho ông K một khoản tiền theo đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K. Đại diện UBND thị trấn NC không đồng ý hỗ

trợ vì không có nguồn tiền. HĐXX xét thấy yêu cầu này không được quy định trong luật dân sự không có cơ sở xem xét.

{4} Về án phí: Yêu cầu của ông K không được chấp nhận nên phải chịu án phí DSST. Tuy nhiên, ông K thuộc đối tượng được miễn án phí nên ông không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận các yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu, tài sản, chi phí đầu tư trên diện tích đất bị thu hồi của ông Lê Minh K đối với UBND thị trấn N C, huyện N C.

Giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho ông K khi có chứng cứ để yêu cầu bồi thường về khoản tiền cột bê tông, dây thộp gai, một số cây chanh, cam, vải thiều.

Án phí: Miễn tiền án phí DSST cho ông Lê Minh K.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh thanh Hoá;
- VKSND huyện N C;
- Chi cục THADS H. N C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ 1, Ha (13).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Hữu Thắng**



